**Câu chuyện thứ nhất**

Tôi gặp cô bé. Em dừng bước chân, đưa đôi mắt nhìn những đứa trẻ quần áo tinh tươm đang ngồi tô vẽ những bức tượng đủ màu sắc. Cứ mỗi lần thấy hình ảnh đó, trong đầu tôi lại hiện lên bức tranh so sánh về hai đứa trẻ: một đứa quần áo cũ tay cầm những tờ vé số, một đứa quần áo sạch sẽ tay cầm cọ vẽ - hai hình ảnh khác biệt của một bức tranh cuộc sống.

Cơn mưa bất chợt, em bé bán vé số chạy nhanh đi tìm chỗ trú. Những tấm vé số khô ráo bởi chúng được giấu vào bên trong túi áo, còn cô bé của tôi ướt nhèm…Những hạt mưa thấm vào đất như em bước vào cuộc đời, chới với và bơ vơ. Giọt mưa nếm đủ mùi vị của đất như em tôi trải nghiệm với cuộc đời. Mưa cuối cùng sẽ tìm về dòng suối nhỏ hay đại dương bao la, còn nơi nào sẽ dành cho em? Tôi cầu mong em đủ dũng cảm và kiên cường để không bị cuộc đời vùi dập.

**Câu chuyện thứ hai**

Chiếc xe lăn ấy chiều nào ngang qua công viên tôi cũng thấy. Một cụ già ngồi trên xe lăn và một người trung niên ngồi cạnh. Cảnh đó làm tôi nghĩ về hình ảnh một đứa con đẩy xe của người Mẹ dạo công viên hóng mát. Rồi tôi lại làm phép so sánh lần nữa với hình ảnh một cụ già nằm trên giường bệnh, con cháu dùng tiền nhờ người chăm sóc từ thuốc thang đến cơm nước và cả vệ sinh cá nhân. Vẫn là hai hình ảnh của một bức tranh cuộc đời.

Chiều nay, chiều hôm sau nữa và nhiều lần sau nữa tôi đã không còn thấy chiếc xe lăn ấy…

**Câu chuyện thứ ba**

Hôm nay xem ti vi, chương trình “Thắp sáng ước mơ” về một bạn học lớp mười hai. Cha bỏ đi từ khi còn nhỏ, chỉ có hai Mẹ con nương tựa nhau mà sống, lửa lại thiêu cháy căn nhà trú ngụ duy nhất, mất đi gian hàng nhỏ mà Mẹ bạn dùng làm kế mưu sinh, cuộc sống ở trọ khó khăn nhiều thứ nhưng bạn vẫn vượt qua và học tập rất tốt. Nhưng con đường vào Đại học của bạn còn rất gian nan, cần biết bao những tấm lòng nhân ái. Hôm nay đọc báo, một nữ sinh lớp mười lộ clip nhạy cảm  với bạn trai mà khi được hỏi lại tỏ ra rất bình thường và “tự hào” vì mình được nổi tiếng. Cha mẹ cũng chẳng quan tâm mà coi nhưng không có gì. Một người cố gắng từng ngày vì cuộc sống, một người có cuộc sống tốt đẹp lại đánh đổi nó vì cái hư danh ở đời. Bức tranh thứ ba của cuộc đời.

Trong cuộc sống muôn màu này, còn biết bao câu chuyện mà phía sau nó là cả cuộc đời. Tôi và bạn cũng đang vẽ bức tranh cuộc đời mình, người quyết định nét vẽ là bản thân chúng ta, đừng để nó xấu xí đi vì sẽ không bao giờ tẩy sạch được những nét vẽ xấu đâu, bạn nhé!

**I. MỘT SỐ MẪU CÂU THƯỜNG DÙNG**

**1. HỎI**

*+ Dạo này sao rồi?*

*+ Anh / chị / cô / chú / … khỏe không?*

*+ Gia đình anh / chị / cô / chú / … vẫn khỏe chứ?*

*+ Dạo này làm ăn sao rồi?*

*+ Dạo này học hành sao rồi?*

*+ Công việc của anh / chị / cô / chú / … sao rồi?*

*+ Bữa giờ có đi đâu không?*

**2. TRẢ LỜI**

*+ Khỏe*

*+ Cũng bình thường thôi*

*+ Cũng được / Cũng tạm*

*+ Vẫn như trước đây thôi*

*+ Không được tốt lắm*

**II. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP**

**1. TÌNH HUỐNG 1**

A: Chào Lan!

B: Ủa Ngọc, cậu đi đâu đây?

A: Tớ đang định đi lên trường. Bữa giờ được nghỉ có đi đâu chơi không?

B: Có đi đâu đâu, tớ chỉ ở nhà không à.

A: Còn tớ thì mới từ dưới quê lên nè. À phải, ba mẹ tớ có gửi quà cho cậu đó, đây nè.

B: Ôi, cảm ơn nhé. Ba mẹ cậu vẫn khỏe chứ?

A: Khỏe, ba mẹ tớ còn bảo bữa nào dẫn cậu về quê chơi cho biết nữa đó.

B: Hay hè này đi luôn đi.

A: Được đó.

**2. TÌNH HUỐNG 2**

A: Dạo này học được chứ?

B: Ừ, cũng được. Có điều do sắp thi nên mấy bữa nay cũng hơi mệt một chút.

A: Vậy à. Cậu nhớ ăn uống cho đầy đủ vào đó.

B: Ừ, tớ biết rồi.

**3. TÌNH HUỐNG 3**

A: Em làm ở công ty mới thấy được chứ?

B: Dạ cũng tốt lắm ạ. Mọi người ở đó ai cũng nhiệt tình giúp đỡ em hết.

A: Vậy thì tốt rồi. Thế em đã quen với công việc chưa?

B: Dạ cũng quen rồi anh, em không có còn bị bỡ ngỡ như lúc mới vào nữa.

## ****CÁC MẪU CÂU THƯỜNG DÙNG TRONG GIAO TIẾP KHI MUA SẮM****

### ****1. VỚI KHÁCH HÀNG****

+ Khi bạn muốn mua một món đồ nào đó, hãy nói: Tôi muốn mua ~; Cho tôi mua ~; Lấy cho tôi ~; Bán cho tôi ~

+ Khi bạn không biết vị trí của một món đồ trong cửa hàng, hãy hỏi nhân viên hoặc chủ cửa hàng như sau: [Tên món đồ] để ở đâu vậy ạ?

+ Khi ở trong một cửa hàng quần áo hay giày dép, nếu bạn muốn mặc thử một món đồ nào đó, bạn có thể nói: Tôi mặc thử / đi thử được không ạ? hoặc Phòng thử đồ ở đâu vậy ạ?. Trong trường hợp món đồ đó không vừa với bạn hoặc bạn không thích, bạn có thể yêu cầu nhân viên hoặc chủ cửa hàng đổi cho bạn bằng cách sử dụng mẫu câu: Có cỡ lớn / nhỏ hơn không ạ?; Xin đổi cho tôi cỡ lớn / nhỏ hơn đi ạ; Cái này có màu khác không ạ?. Nếu đã chọn được món ưng ý, bạn có thể nói: Tôi thích cái này; Tôi sẽ lấy cái này; Tôi sẽ mua cái này

+ Khi muốn hỏi giá của một món đồ, hãy dùng các mẫu câu sau: Cái này bao nhiêu tiền vậy ạ? hoặc Cái này có giá bao nhiêu vậy ạ?. Nếu giá của món đồ đó quá cao, bạn có thể nhờ giảm giá bằng cách nói: Có thể giảm giá cho tôi được không ạ?

+ Khi thanh toán, bạn có thể dùng các mẫu câu: Tổng cộng hết bao nhiêu vậy ạ?; Tôi dùng thẻ được không?; Tôi sẽ trả bằng tiền mặt

***Chú ý:*** Thay vì xưng “Tôi”, bạn cũng có thể thay đổi các cách xưng hô khác cho phù hợp với người nghe (chẳng hạn như: anh, chị, em, cô, chú,…).

**Ví dụ:**

Em muốn mua hai cây viết chì ạ.

Cho chị hỏi tạp chí để ở đâu vậy?

### ****2. VỚI NHÂN VIÊN/ CHỦ CỬA HÀNG****

+ Khi có khách vào cửa hàng, bạn có thể chào họ như sau: Chào anh / chị / cô / chú / … hoặc Xin chào anh / chị / cô / chú / …

+ Để hỏi khách về món đồ mà họ muốn tìm mua, bạn có thể nói: Anh / chị / cô / chú / … muốn mua gì ạ? (What would you like to buy?)

+ Để chỉ cho khách vị trí các món đồ trong cửa hàng của bạn, hãy sử dụng những mẫu câu sau: [Tên món đồ] thì ở [vị trí của món đồ]. Nếu cửa hàng không có hoặc đã hết món đồ mà khách cần mua, bạn có thể nói: Xin lỗi anh / chị / cô / chú / …, ở đây không có bán ~ ạ hoặc Xin lỗi anh / chị / cô / chú / …,  ở đây hết ~ rồi ạ

+ Khi thanh toán, bạn có thể dùng các mẫu câu: Của anh / chị / cô / chú / … hết ~ đồng ạ;  Anh / chị / cô / chú / … muốn dùng thẻ hay trả bằng tiền mặt ạ?

+ Khi chào tạm biệt khách, bạn có thể nói: Xin cảm ơn anh / chị / cô / chú / … đã đến ạ; Rất mong anh / chị / cô / chú / … sẽ ghé lại lần sau

**Ví dụ:**

Xin lỗi anh, chỗ em không có bán loại vải này ạ.

Tạp chí thì ở góc đằng kia ạ.

## ****II. CÁC TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP****

### ****1. TÌNH HUỐNG 1****

A: Chào anh, anh muốn mua gì ạ?

B: Lấy cho anh hai quyển vở.

A: Của anh đây. Tổng cộng hết 11.000 đồng.

### ****2. TÌNH HUỐNG 2****

Hai mẹ con đi vào một cửa hàng quần áo.

Nhân viên cửa hàng: Chào chị, em có thể giúp gì cho chị ạ?

Người mẹ: Chị muốn mua áo đầm cho bé gái nhà chị.

Nhân viên cửa hàng: Nếu vậy, xin mời chị đi lối này ạ.

Người mẹ: Em cho chị xem cái đầm màu vàng kia với.

Nhân viên cửa hàng: Đây ạ.

Người mẹ: Con thích cái này không?

Đứa con: Dạ vâng ạ.

Người mẹ: Chị lấy cái đầm màu vàng này nhé.

Nhân viên cửa hàng: Vâng ạ. Của chị hết 100.000 đồng.

### ****3. TÌNH HUỐNG 3****

Khách hàng: Đôi giày này chật quá, có số lớn hơn không em?

Chủ cửa hàng: Chỗ em chỉ có cỡ này thôi ạ. Hay chị thử đôi màu đen này đi.

Khách hàng: Ừm, đôi này thì vừa chân chị, có điều chị lại không thích màu đen cho lắm. Vậy thôi, có gì để lần khác chị ghé lại nhé.

Chủ cửa hàng: Vâng ạ, cảm ơn chị nhiều lắm.

Để biết thêm thông tin, xin liên hệ:

**QMI EDUCATION**

## ****MỘT SỐ MẪU CÂU THƯỜNG DÙNG****

### ****1. HỎI****

+ Dạo này sao rồi?

+ Anh / chị / cô / chú / … khỏe không?

+ Gia đình anh / chị / cô / chú / … vẫn khỏe chứ?

+ Dạo này làm ăn sao rồi?

+ Dạo này học hành sao rồi?

+ Công việc của anh / chị / cô / chú / … sao rồi?

+ Bữa giờ có đi đâu không?

### ****2. TRẢ LỜI****

+ Khỏe

+ Cũng bình thường thôi

+ Cũng được / Cũng tạm

+ Vẫn như trước đây thôi

+ Không được tốt lắm

## ****II. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP****

### ****1. TÌNH HUỐNG 1****

A: Chào Lan!

B: Ủa Ngọc, cậu đi đâu đây?

A: Tớ đang định đi lên trường. Bữa giờ được nghỉ có đi đâu chơi không?

B: Có đi đâu đâu, tớ chỉ ở nhà không à.

A: Còn tớ thì mới từ dưới quê lên nè. À phải, ba mẹ tớ có gửi quà cho cậu đó, đây nè.

B: Ôi, cảm ơn nhé. Ba mẹ cậu vẫn khỏe chứ?

A: Khỏe, ba mẹ tớ còn bảo bữa nào dẫn cậu về quê chơi cho biết nữa đó.

B: Hay hè này đi luôn đi.

A: Được đó.

### ****2. TÌNH HUỐNG 2****

A: Dạo này học được chứ?

B: Ừ, cũng được. Có điều do sắp thi nên mấy bữa nay cũng hơi mệt một chút.

A: Vậy à. Cậu nhớ ăn uống cho đầy đủ vào đó.

B: Ừ, tớ biết rồi.

### ****3. TÌNH HUỐNG 3****

A: Em làm ở công ty mới thấy được chứ?

B: Dạ cũng tốt lắm ạ. Mọi người ở đó ai cũng nhiệt tình giúp đỡ em hết.

A: Vậy thì tốt rồi. Thế em đã quen với công việc chưa?

B: Dạ cũng quen rồi anh, em không có còn bị bỡ ngỡ như lúc mới vào nữa.

**ĐỒNG HƯỚNG VÀ NGƯỢC HƯỚNG TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT VÀ MỘT SỐ ỨNG DỤNG VÀO VIỆC DẠY MÔN NGỮ ÂM-HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI**

**Tóm tắt:**Bài viết này phân tích một số hội thoại tiếng Việt cụ thể để tìm hiểu về các kiểu cấu trúc hội thoại khác nhau được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đồng hướng, ngược hướng của những người tham gia giao tiếp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số ứng dụng vào việc giảng dạy môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài, trong đó có sinh viên Trung Quốc, nhằm hỗ trợ thêm một phần về phương pháp giảng dạy môn học này cho các giảng viên, đồng thời hỗ trợ các sinh viên nước ngoài học môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt hiệu quả hơn.

**Từ khóa: *đồng hướng, ngược hướng, hội thoại tiếng Việt, ngữ âm- hội thoại, sinh viên nước ngoài***

**ĐỒNG HƯỚNG VÀ  NGƯỢC HƯỚNG TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT VÀ MỘT SỐ ỨNG DỤNG VÀO VIỆC DẠY MÔN NGỮ ÂM-HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI**

***PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy (\*)***

**1. DẪN NHẬP**

Hội thoại có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống. Các cuộc hội thoại là nền tảng giúp con người giao tiếp với nhau và thiết lập các mối quan hệ xã hội. Hiện nay, trong chương trình học tiếng Việt của sinh viên nước ngoài, nhất là của sinh viên Trung Quốc có môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt. Vì thế, giảng viên tiếng Việt cần hướng dẫn cho sinh viên về một số yếu tố quan trọng làm cơ sở cho việc xây dựng hội thoại. Trong đó, sinh viên cần chú ý đến việc nhận biết, thiết lập các ý kiến đồng hướng, ngược hướng trong khi thực hành xây dựng hội thoại tiếng Việt. Các ý kiến đồng hướng, ngược hướng trong hội thoại sẽ quyết định đến việc thiết lập, duy trì hay phá vỡ hội thoại, ảnh hưởng trực tiếp tới sự tương tác, mối quan hệ giữa người nói và người nghe trong quá trình giao tiếp cũng như tới hiệu quả giao tiếp. Do đó, bài viết này sẽ tập trung vào việc phân tích một số hội thoại cụ thể được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đồng hướng, ngược hướng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số ứng dụng vào việc giảng dạy môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài.

**2. ĐỒNG HƯỚNG VÀ NGƯỢC HƯỚNG TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT (XEM XÉT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ)**

Bên cạnh nội dung và mục đích giao tiếp, các cuộc hội thoại của người Việt còn phản ánh tư tưởng, tình cảm  phong phú, phức tạp của người Việt trong cuộc sống hàng ngày. Vì thế, hội thoại của người Việt cũng có các kiểu cấu trúc và các tầng lớp ý nghĩa khác nhau.  Dựa vào sự tương đồng /khác biệt về tâm lí, tình cảm của những người tham gia đối thoại, chúng tôi thấy có thể phân chia các cuộc thoại khảo sát thành 2 nhóm:  hội thoại đồng hướng và hội thoại ngược hướng

***2.1 Hội thoại được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đồng hướng.***

VD1:

*-Chị buồn lắm phải không?- Tôi hỏi.*

*- Rất buồn.*

                                  (Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu, Hoa súng, trang 29)

VD2:

*- Sao, vẫn còn nhớ Khoa Văn thế kia à?- Ông hỏi. Cả câu hỏi cũng như nửa đùa, nửa thật.*

*- Nhớ chứ ạ. Dù đi đâu em cũng vẫn nhớ Khoa mình.*

*Một thầy trẻ hơn ngồi bên cạnh đế luôn:*

*- Yêu Khoa hay yêu thầy chủ nhiệm nhiều hơn?*

*- Yêu cả hai- Người con gái hồn nhiên đáp.*

                      (Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu, Hoa súng, trang 14-15)

VD3:

*- Chiếc áo đỏ kia đẹp nhỉ?*

*- Ừ. Áo đẹp thế mà giá cả lại phải chăng nữa.*

VD4:

*- Trước khi đi ngủ con xem qua bài một lượt cho chắc ăn. Cuộc này mới là cuộc quyết định.*

*- Vâng. Bố cứ yên trí. Nhất định lần này con sẽ làm bài thật mỹ mãn.*

((Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu ,Quyền làm bố, trang 65,66)

VD5:

Chàng trai và cô gái ngồi tâm sự:

*- Em có muốn về quê anh không?*

*- Thế anh có muốn về quê em không?*

           Khi nói chuyện, người Việt có thể có ý kiến đồng tình với người nói chuyện cùng mình nhưng tùy vào hoàn cảnh, họ có thể bày tỏ sự đồng tình đó ở các mức độ khác nhau. Ở ví dụ 1, khi người hỏi đặt câu hỏi để mong muốn tìm hiểu về tâm trạng của người đối thoại với mình (*Chị buồn lắm phải không?*) thì người đối thoại đã đáp ứng lại sự mong muốn đó bằng cách trả lời, thể hiện sự khẳng định để đồng tình với thông tin mà người hỏi đưa ra (*Rất buồn*). Chính sự lặp lại thông tin trong câu hỏi và câu trả lời (*buồn lắm- rất buồn*) đã cho chúng ta thấy được sự đồng hướng của thông tin, sự đồng hướng của người hỏi- người gửi thông tin với người trả lời- người tiếp nhận, đồng thời phản hồi thông tin. Tuy đoạn hội thoại của người nói và người nghe được xây dựng trên cơ sở sự đồng hướng về thông tin nhưng mức độ chắc chắn của thông tin của từng người có sự khác nhau. Ở câu thứ nhất, người hỏi có sự xác định mức độ chân thực của tình huống (*chị buồn lắm*) nhưng không chắc chắn hoàn toàn nên mới đặt thành câu hỏi (…*phải không?*). Còn người nghe thì chắc chắn về mức độ tình cảm, tâm trạng của mình nên chắc chắn hoàn toàn về thông tin được chia sẻ với người đối thoại cùng mình (*rất buồn*).

          Nếu ở ví dụ 1, sự đồng hướng của người hỏi và người trả lời chỉ được thể hiện qua sự khẳng định chắc chắn về thông tin được chia sẻ thì ở ví dụ 2, sự đồng hướng về thông tin giữa những người đối thoại còn được phát triển ở mức độ cao hơn bằng cách mở rộng thông tin- thông tin có tính giải thích lý do. Khi người thầy hỏi “*Sao, vẫn còn nhớ Khoa Văn thế kia à*?”, cựu sinh viên thể hiện sự đồng hướng bằng cách khẳng định chắc chắn “*Nhớ chứ ạ*!”. Hơn thế nữa, sự đồng hướng đó còn được nâng lên một mức khi người trả lời đưa ra thông tin giải thích về mức độ “nhớ Khoa Văn”của mình: không chỉ là “nhớ” (*một trạng thái tâm lý- tình cảm*) mà còn là “bất cứ lúc nào cũng nhớ” (*một trạng thái tâm lý- tình cảm có tính chất thường trực*) “*Dù đi đâu em cũng nhớ Khoa mình*”. Đặc biệt, trong ví dụ 2, khi người thứ 3 hỏi xen vào “*Yêu Khoa hay yêu thầy chủ nhiệm nhiều hơn*?” thì theo logic thông thường, nếu người trả lời có sự đồng hướng với người hỏi, sẽ đáp ứng lại câu hỏi đó bằng cách chọn một trong hai trường hợp: “*Yêu Khoa hơn*” hoặc “*Yêu thầy chủ nhiệm hơn*”. Tuy thế, ở ví dụ 2, người trả lời không những thể hiện sự đồng hướng với người hỏi   mà còn có sự đồng hướng ở mức độ cao “vượt quá yêu cầu”, vừa là đồng hướng về nội dung thông tin, vừa là đồng hướng về thái độ, tình cảm, mức độ dí dỏm và thông minh “*Yêu cả hai*”.

          Ở ví dụ 3, người thứ 1 nhận xét “*chiếc áo đỏ kia đẹp*” đồng thời muốn biết ý kiến của người thứ 2 về nhận xét của mình. Vì thế, người thứ 1 đã dùng từ “*nhỉ*” để gợi ý, thăm dò ý kiến của người thứ 2. Chỉ bằng một câu nói nhưng người thứ 2 đã thể hiện ý kiến cùng chiều với người thứ 1. Dấu hiệu thứ nhất là người thứ 2 dùng từ “ừ”. Người Việt dùng từ “ừ” khi muốn xác nhận hoặc đồng tình với một điều gì đó. Dấu hiệu thứ hai là người thứ 2 lặp lại cụm từ “áo đẹp” và thêm từ nhấn mạnh chắc chắn đằng sau đó “thế” để khẳng định “áo đẹp” là một thực tế. Dấu hiệu thứ ba là, người thứ 2 không chỉ đồng tình, lặp lại ý của người thứ 1 mà còn mở rộng, phát triển thêm sự đồng tình về nội dung “áo đẹp” bằng cách nêu thông tin bổ sung “*mà giá cả lại phải chăng nữa*”. Thông tin bổ sung này cho thấy sự đồng tình ở mức cao hơn về nội dung “áo đẹp” đã được người thứ 1 đưa ra lúc đầu: *áo không chỉ đẹp mà còn có giá cả phải chăng nữa*. Từ đó, người nói muốn diễn đạt một hàm ý có tính định hướng về mặt thông tin, tác động tới người đối thoại, đó là: áo đẹp mà giá cả phải chăng thì ***nên mua/ có thể mua được***.

          Tiếp theo, chúng ta xem xét ví dụ 4. Đây là đoạn hội thoại ngắn giữa người bố và người con trước hôm người con thi đại học. Khi người bố đưa ra 2 thông tin: (1) khuyên con ôn lại bài một lần trước khi đi ngủ cho chắc chắn và (2) khẳng định cuộc thi đó là cuộc thi quyết định thì người con có sự đồng tình với cả hai thông tin của người bố bằng từ “vâng”. Hơn thế nữa, người con còn thể hiện sự đồng tình đó bằng một lời động viên có tính chất là kết quả *(=lời động viên, lời hứa với người bố*) nhằm làm cho người bố yên tâm: “*Bố cứ yên trí*”. Có thể thấy, hai câu nói của người bố có hàm ý hoặc bộc lộ một cách tự nhiên về tâm trạng của người bố: *chưa thực sự yên tâm về việc ôn thi và thi đại học của con*. Đó cũng chính là nguyên nhân hàm ẩn cho kết quả mà người con nêu ra bằng cách động viên, đồng thời là hứa với bố mình “*Bố cứ yên trí*”. Tức  là, sự đồng hướng giữa lời nói của người bố và lời nói của người con được thể hiện bằng một lớp vỏ bọc của quan hệ nhân-quả. Thêm vào đó, người con còn đưa ra căn cứ làm minh chứng cho lời động viên, lời hứa  của mình bằng cách khẳng định “*Nhất định lần này con sẽ làm bài thật mỹ mãn*.”. Sự khẳng định này, một lần nữa, lại thể hiện sự đồng hướng ở mức độ cao của người con đối với thông tin mà người bố đưa ra. Chúng ta có thể quan sát sự đồng hướng của hai người tham gia giao tiếp trong đoạn đối thoại trên như sau:

- Trước khi đi ngủ con xem qua bài một lượt cho chắc ăn. Cuộc này mới là cuộc quyết định.

*=> (1) khuyên con xem lại bài + khẳng định cuộc thi này có tính quyết định*

*=> (2) thể hiện sự lo lắng, chưa yên tâm*

*=> (3) thể hiện sự quan tâm đối với con*

- Vâng. Bố cứ yên trí. Nhất định lần này con sẽ làm bài thật mỹ mãn.

   + Vâng: *=> (1.1) đồng ý xem lại bài + đồng ý là cuộc thi này có tính quyết định -> đồng hướng với (1)*

*=> (3.1) hiểu được sự quan tâm của người bố -> đồng hướng với (3)*

   + Bố cứ yên trí: *=> (2.1) động viên người bố để người bố yên tâm -> đồng hướng với (2’)*

*=> (3.2) hiểu được sự quan tâm của người bố -> đồng hướng với (3)*

   + Nhất định lần này con sẽ làm bài thật mỹ mãn.

*=> (2.2) động viên để bố yên tâm; lời hứa chắc chắn sẽ làm tốt -> đồng hướng với (2)*

*=> (3.3) hiểu được sự quan tâm của người bố -> đồng hướng với (3)*

Khác với các ví dụ trên, các câu đối thoại trong ví dụ 5 có hình thức có vẻ có sự ngược hướng với nhau nhưng nội dung thì phản ánh sự đồng hướng về ý kiến của những người tham gia đối thoại. Khi chàng trai nói “*Em có muốn về quê anh không*?” thì câu hỏi của cô gái  ngay sau đó “*Thế anh có muốn về quê em không*?” có hình thức như là một sự phản ứng, đòi hỏi để tạo ra sự tương phản, ngược hướng với câu hỏi của chàng trai. Chàng trai muốn hỏi cô gái có muốn về “quê anh” (= quê của chàng trai) không thì cô gái lại không trả lời chàng trai mà hỏi ngược lại xem chàng trai có muốn về “quê em” (=quê của cô gái) không? Mới nghe lướt qua, chúng ta thấy có vẻ như cô gái muốn “thách thức” chàng trai. Thực ra, đây chỉ là một cách ứng xử trong giao tiếp của người Việt. Có tình huống trên (cả hai nhân vật giao tiếp cùng hỏi nhau mà không trả lời) vì chàng trai và cô gái không cùng quê. Chàng trai hỏi thế có hàm ý muốn biết cô gái có tình cảm với mình, có muốn về quê mình để có sự gắn bó sâu sắc với nhau không. Khi chàng trai nói như vậy cũng là tỏ ý muốn tiến tới xa hơn về tình cảm với cô gái. Còn cô gái hỏi chàng trai có muốn về “quê em” không, không phải là một sự chống chế cho bằng nhau về vị trí, thứ bậc giao tiếp, cũng không phải là sự “từ chối” việc trả lời câu hỏi của chàng trai bằng cách “đánh trống lảng” sang một nội dung mới (*về quê em*), khác với nội dung mà chàng trai đưa ra (*về quê anh*). Thực ra, cô gái nói như vậy nhằm hai mục đích. Một là, cô gái cũng có hàm ý “thăm dò” tình cảm của chàng trai đối với mình, có muốn về quê mình để có sự gắn bó sâu sắc với nhau không. Hai là, cô gái cùng muốn bày tỏ mong muốn có sự gần gũi hơn về tình cảm với chàng trai thì mới “mời” chàng trai về thăm quê mình. Do đó, hai câu hỏi trong đoạn hội thoại giữa chàng trai và cô gái nói trên, về hình thức thì có vẻ như là “hai câu hỏi song song” với nhau, dường như có sự “lẩn tránh” của cô gái trong việc trả lời câu hỏi của chàng trai. Thực chất, hai câu hỏi đó lại thể hiện sự đồng hướng của những người tham gia đối thoại, vừa muốn bày tỏ tâm sự muốn tiến tới mức độ cao hơn trong tình cảm của mình, vừa muốn thăm dò tình cảm của đối phương đối với mình nhưng không nói trực tiếp mà đều “nói vòng” bằng cách đặt ra các câu hỏi.

          Như vậy, có thể nói rằng, người Việt có cách xây dựng hội thoại dựa trên các ý kiến đồng hướng nhưng cách thức biểu hiện rất phong phú, đa dạng. Người Việt có thể dùng các từ ngữ để trực tiếp thể hiện sự đồng tình hoặc có thể dùng các hình thức hàm ẩn để bộc lộ ý kiến đồng hướng với người giao tiếp. Vì thế, dù là các ý kiến cùng chiều thì có một yếu tố quan trọng là người giao tiếp phải có cùng một “phông văn hóa” và cụ thể hơn là cùng một “phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” thì hội thoại mới có thể được tiếp tục phát triển.

***2.2 Hội thoại được xây dựng trên cơ sở các ý kiến ngược hướng***

VD6: *Vợ Bình khóc thút thít. Thấy vậy, mẹ Bình hỏi:*

*- Chuyện thế nào, anh nói cho tôi nghe xem.*

*Giọng Bình ráo hoảnh:*

*- Không có gì đâu mẹ ạ.*

*Bà cụ không buông tha:*

*- Anh đừng giấu tôi. Anh không nói, tôi cắn lưỡi tôi chết.*

*Bình sợ quá, kể lại tất cả với mẹ.*

            (Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu, Anh em họ Hoàng, trang 178)

VD7: *Trong một rạp chiếu phim tâm lý xã hội tình cảm của Nga, một người đàn ông ngồi cạnh một cô gái trẻ. Họ không quen nhau.Cô gái rất xinh đẹp, hấp dẫn. Sau 15 phút đầu của buổi chiếu phim, người đàn ông đặt bàn tay của mình lên đùi của cô gái hấp dẫn ở ghế bên cạnh.*

*Cô gái: Anh này, hay nhỉ?*

*Người đàn ông: Phim tâm lý xã hội Nga, sao  chẳng hay?*

*Cô gái (bực mình): Anh làm gì thế?*

*Người đàn ông (thản nhiên): Chủ tịch xã.*

*Cô gái (gắt gỏng): Anh có thôi ngay đi không!*

*Người đàn ông (không mảy may động lòng): Thôi thế nào được! Nhân dân đang tín nhiệm!*

*Cô gái (tức tối): Đồ chó!*

*Người đàn ông (cười tươi): Sao cô biết tôi tuổi Tuất?*

          Xem xét hai ví dụ  VD6 và VD7, chúng ta thấy hai ví dụ này đều được xây dựng trên cơ sở các ý kiến ngược hướng. Ở VD6, khi người mẹ nói: “*Chuyện thế nào, anh nói cho tôi nghe xem*” (1) là tỏ ý yêu cầu con trai nói cho mình biết thông tin *(= “có chuyện” + yêu cầu người con nói*). Khi đó, người con trai đã từ chối bằng cách thể hiện sự không cùng hướng với yêu cầu của người mẹ “*Không có gì đâu mẹ ạ*.” (2) *(= “không có chuyện gì” + từ chối yêu cầu của người mẹ, không muốn nói/kể*). Tuy vậy, không phải vì thế mà cuộc hội thoại chấm dứt. Cuộc hội thoại tiếp tục được xây dựng trên cơ sở sự phát triển cao hơn về mức độ ngược hướng “*Anh đừng giấu tôi. Anh không nói, tôi cắn lưỡi tôi chết.*”. Khi người mẹ nói “*Anh đừng giấu tôi*” (3) là thể hiện sự ngược hướng với (2) ở chỗ: *khẳng định chắc chắn là có chuyện + tiếp tục yêu cầu người con phải nói ra chuyện đó*. Không chỉ thế, tính ngược hướng trong lời nói của người mẹ còn được “đẩy” lên ở mức độ cao hơn nữa: “*Anh không nói, tôi cắn lưỡi tôi chết*.” (4), thể hiện thông tin có hàm ý đe dọa, đồng thời cũng là yêu cầu ở mức cao nhất về việc người con nhất định phải nói ra chuyện mà người mẹ chưa biết => thể hiện sự ngược hướng ở mức độ tối đa đối với (2) vì điều kiện “*tôi cắn lưỡi tôi chết*” là điều kiện mang tính sống-còn, có tính bắt buộc cao đối với người nghe. Chính các thông tin và mức độ yêu cầu- từ chối đáp ứng thông tin có tính ngược hướng với nhau là cơ sở để hội thoại tiếp tục được xây dựng và phát triển, dẫn đến kết quả là có nhiều lời thoại của Bình khi “*Bình kể  lại tất cả với mẹ”.*

          Nếu như ở VD6, tính ngược hướng của những người tham gia đối thoại được thể hiện trực tiếp thông qua lời yêu cầu- lời từ chối- lời yêu cầu+ lời đe dọa thì ở VD7, tính ngược hướng đó lại được thể hiện trong tình huống cố tình gây ra kiểu “*ông nói gà, bà nói vịt*”. VD7 là hội thoại viết về tình huống một người đàn ông lợi dụng tình huống trong rạp chiếu phim để có hành động sàm sỡ với một cô gái trẻ đẹp, hấp dẫn. Khi cô gái tỏ rõ thái độ không đồng ý, bực mình, gắt gỏng, thậm chí là tức giận với người đàn ông về việc làm của ông ta thì ông ta lại thản nhiên với thái độ đó bằng “mẹo” và “tài” về ngôn ngữ. Mỗi câu cô gái nói ra đều nhằm mục đích thể hiện ý yêu cầu người đàn ông chấm dứt hành động sàm sỡ của ông ta nhưng người đàn ông từng bước đáp lại một cách khôn khéo các thông tin mà cô gái đưa ra bằng một lớp vỏ hình thức về ngôn ngữ rất hợp lý, giống như một cuộc hỏi-đáp thông thường: cô gái hỏi thông tin- người đàn ông cung cấp thông tin về mình (thông tin này là mới đối với cô gái). Thực tế, thông qua cách trả lời thông tin cụ thể, người đàn ông đã đương nhiên phủ nhận thông tin mà cô gái đưa ra- phủ định gián tiếp thông tin cô gái nói đến, “đánh trống lảng”, đề cập đến một vấn đề hoàn toàn khác với vấn đề mà cô gái nói đến nhưng vẫn “khớp” về mặt logic với những câu hỏi- câu cảm thán- câu yêu cầu, đề nghị- câu chửi của cô gái. *Vì thế, sự ngược hướng về thông tin, thực chất là sự ngược hướng về mục đích, thái độ của những người tham gia giao tiếp*trong VD7 là sự ngược hướng rất tinh tế, có tác dụng xây dựng và phát triển hội thoại, tạo nên những điểm “thắt nút”- “cao trào”- “mở nút” cho cuộc hội thoại này.

***2.3*** ***Hội thoại được xây dựng trên cơ sở vừa có thông tin đồng hướng, vừa có thông tin ngược hướng.***

VD8: *Sau khóm cây, An và Cần lại tiếp tục nói chuyện, chẳng đâu vào  đâu cả:*

*- Tay Cần trắng quá nhỉ? (1)*

*- Đen đi chứ, đập đá thì làm gì mà trắng được, tay em có phải là tay học sinh đâu.   (2)*

*- Nhưng vẫn trắng và lại mềm nữa kia đấy. (3)*

*- Sao anh biết? Mắt Cần mở to. (4)*

*- Thì bữa bắt tay thi đua đấy, quên rồi à, chóng thật. (5)*

*- À, em có quên đâu, lại nhớ rất lâu nữa chứ, bữa ấy vui quá anh nhỉ, đêm về không tài nào ngủ được, em thẹn ghê lắm đấy. (6)*

*- An cũng thẹn. Và đêm ấy về cũng không ngủ được. Tại Cần đấy. (7)*

*- Tại em à? Cần lại nhìn An trân trân. (8)*

*- Này Cần này…(9) An vừa nói vừa đưa tay sang phía bàn tay Cần đang để dưới nước:*

*- Hôm nay…bắt tay lại có được…không…em? (10) Tiếng “em” An do dự mãi mới nói được.*

*- Tùy anh đấy. (11)*

                                              (Nam Hà, Tuổi hai mươi, trang 162-163)

          Trong đoạn hội thoại giữa một  người nam (An) và một người nữ (Cần) nói trên, các câu   hội thoại được xây dựng trên cơ sở thông tin ngược hướng và cùng hướng. Lúc đầu, An đưa ra thông tin đánh giá của mình, đồng thời cũng tìm kiếm sự đồng tình của người cùng tham gia đối thoại “*Tay Cần trắng quá nhỉ*?” (1). Người thứ 2 trong hội thoại- Cần đã thể hiện sự ngược hướng về thông tin của mình ở (2) đối với thông tin mà An đưa ra ở (1) bằng cách khẳng định “*Đen đi chứ*” (= phủ định (1)), đồng thời làm cho sự ngược hướng đó tăng tiến bằng cách đưa ra lời giải thích bằng hai nguyên nhân: nguyên nhân 1 là “đập đá thì làm gì mà trắng được”, nguyên nhân 2 là “*tay em có phải là tay học sinh đâu*”. Hội thoại được tiếp tục xây dựng trên cơ sở ý kiến ngược hướng. (3) ngược hướng với (2) bằng cách khẳng định lại một lần nữa thông tin đã có ở (1) đồng thời cung cấp thêm thông tin bổ sung “*và lại mềm nữa kia đấy*”. (4) là sự tiếp tục chủ đề. Ở (4) không còn sự ngược hướng giữa An và Cần nữa vì (3) là tiền đề để gợi mở cho câu hỏi có xu hướng đồng tình của Cần đối với An ở (4). (5) là sự giải thích lý do, nguyên nhân cho (4). (6) là sự phủ định thông tin “*quên rồi à*” trong (5), lại bắt đầu có sự ngược hướng về thông tin nhưng đồng hướng về chủ đề được hai người nói đến “quên-không quên”.  (7) có sự đồng hướng với (6), thể hiện tâm tư, tình cảm và trạng thái cảm xúc giống nhau giữa An và Cần: *thẹn, không ngủ được cả đêm*. (7) cung cấp thêm thông tin mới “*Tại Cần đấy*” để phát triển sự đồng hướng giữa (6) và (7), nêu nguyên nhân dẫn đến kết quả “thẹn”, “không ngủ được cả đêm” của An. Thông tin mới xuất hiện ở (7) đồng hướng với (8), từ đó tạo cơ sở cho (9), (10), (11) đồng hướng với nhau: *An và Cần cùng rụt rè nhưng đều bày tỏ được tình cảm của mình với người còn lại.*

          Nếu như VD8 là hội thoại được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đồng hướng và  ngược hướng của hai người tham gia giao tiếp *theo hướng chuyển dần từ  ý kiến ngược hướng sang ý kiến cùng hướng* thì trong VD9 sau đây, các ý kiến của hai người tham gia giao tiếp lại *chuyển từ ý kiến cùng hướng sang ý kiến ngược hướng.*

VD9:

*“Anh vào, nhìn tôi rồi hỏi:*

*- Mẹ đi đâu?*

*- Đi vắng.*

*- Khóc à?*

*- Không!*

*- Lại còn không!*

*- Thôi mà.*

*- Mắt còn đỏ hoe lên mà cứ nói dối như cò ấy.”*

                                                          (Bá Dũng, Tiếng gọi, trang 74)

    Cuộc hội thoại trên được xây dựng trên các ý kiến đồng hướng và ngược hướng. Khi người thứ nhất hỏi “*Mẹ đi đâu*?” thì người thứ hai có sự “đáp ứng” thuận chiều với câu hỏi đó nên trả lời là “*Đi vắng.*”. Nhưng khi người thứ nhất bắt đầu một câu hỏi mới “*Khóc à*?” thì người thứ hai có ý kiến ngược hướng để phủ nhận điều đó “*Không!*”. Người thứ nhất không thừa nhận ý kiến “*Không*!” của người thứ hai nên tiếp tục bằng cách hỏi- khẳng định “*Lại còn không*!” (hình thức là câu cảm thán-nội dung khẳng định chắc chắn “lại còn không”- nội dung hỏi hàm ẩn- hỏi lại lần nữa “*khóc à*?”, thực ra là để khẳng định “*chắc chắn khóc*”). Sau đó, người thứ hai nửa muốn phủ định, nửa muốn chấm dứt nội dung đó (vì có lẽ không che dấu được sự thật “*đã khóc*”) nên nói “*Thôi mà*”. Người thứ nhất bác bỏ ý kiến “*Thôi mà*” của người thứ nhất bằng cách tiếp tục nói, đồng thời tiếp tục đưa ra bằng chứng về việc người thứ hai khóc “*Mắt còn đỏ hoe lên mà cứ nói dối như cò ấy*.”

    Đặc biệt  hơn VD8 và VD9 thì VD10 *được xây dựng trên cơ sở ý kiến cùng chiều của hai người tham gia đối thoại đồng thời, các ý kiến đó lại cùng ngược chiều với ý kiến của người thứ 3 trong đoạn hội thoại*:

VD10:

(Hạnh nói chuyện với bố mẹ)

*- Con có còn là đứa trẻ con nữa đâu. Với lại người nào yêu mà quên việc học tập đâu phải là người có ý chí. (1)*

*- Ai yêu mà chẳng nói như vậy- Vị hiệu trưởng dàn hòa- Hạnh con, tốt hơn hết con hãy quên chuyện này đi. (2)*

*Hạnh bật khóc:*

*- Nhưng con lại không thể nào quên được. Nói thật với bố mẹ, con chẳng thiết học nữa. (3)*

*- Vớ vẩn!- Bà mẹ gạt đi- Rồi một, hai tháng sẽ quên đi. (4)*

                      (Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu, Tuổi yêu, trang 52)

    Trong đoạn hội thoại trên, (1) và (3) đồng hướng với nhau, là lời nói của cùng một người tham gia giao tiếp (Hạnh) về nội dung: Hạnh không quên được việc yêu một người, khẳng định mình không còn là trẻ con và không muốn học nữa. (2) và (4) là các ý kiến cùng chiều với nhau của hai người tham gia giao tiếp  khác nhau: (2)- bố Hạnh và (4)- mẹ Hạnh, về cùng một nội dung: Hạnh nên quên việc yêu đương đi. Ý kiến của hai người tham gia giao tiếp (bố Hạnh, mẹ Hạnh) ở (2) và (4) cùng ngược hướng với ý kiến của một người (Hạnh) ở (1) và (3), *tạo nên các tầng lớp đan xen giữa sự đồng hướng và ngược hướng về thông tin trong hội thoại, tạo nên logic và sự chặt chẽ cho hội thoại.*

    Như vậy, các đoạn hội thoại trên là những ví dụ về cách xây dựng hội thoại vừa có các ý kiến đồng hướng, vừa có các ý kiến ngược hướng của người Việt.

**3. MỘT SỐ ỨNG DỤNG VÀO VIỆC DẠY MÔN NGỮ ÂM-HỘI THOẠI CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI**

     Từ kết quả phân tích một số ví dụ cụ thể nói trên, chúng ta có một số *vận dụng vào việc giảng dạy môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt*cho sinh viên nước ngoài, trong đó có các sinh viên Trung Quốc như sau:

*Thứ nhất*, giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên nước ngoài, trong đó có sinh viên Trung Quốc cách thiết lập hội thoại tuân thủ theo một logic chặt chẽ. Logic của hội thoại có thể được xây dựng một cách chặt chẽ dựa trên các ý kiến đồng hướng hoặc ngược hướng của những người tham gia hội thoại.

*Thứ hai*, ở mức độ cao hơn, các sinh viên nước ngoài khi thực hành xây dựng hội thoại có thể tạo ra đồng thời cả các ý kiến đồng hướng và các ý kiến ngược hướng đan xen với nhau.

*Thứ ba*, sự đồng hướng hoặc ngược hướng về thông tin trong giao tiếp có thể đồng thời kèm theo sự đồng hướng, ngược hướng về mục đích, thái độ của những người tham gia giao tiếp. Do đó, giảng viên có thể hướng dẫn các sinh viên nước ngoài khi họ thực hành xây dựng hội thoại thì có thể chú ý đến các yếu tố: a. thông tin, b. mục đích giao tiếp, c. thái độ của người tham gia giao tiếp, để tạo nên những câu hội thoại có tính đồng hướng hoặc ngược hướng, tạo nên tính logic, hệ thống, bám sát theo chủ đề của cuộc giao tiếp, nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp.

*Thứ tư*, thực tế sử dụng hội thoại trong cuộc sống rất phong phú, linh hoạt, có sự thích ứng của những người giao tiếp với từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Vì thế, giảng viên dạy tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài cần hướng dẫn cho sinh viên các kiểu xây dựng hội thoại khác nhau sao cho thật phong phú, đa dạng:

              - Những người tham gia giao tiếp có thể dùng những từ ngữ trực tiếp hoặc dùng các hình thức hàm ẩn để thể hiện sự đồng tình, đồng hướng với người giao tiếp cùng mình. Cách dùng từ ngữ trực tiếp để thể hiện sự đồng hướng trong hội thoại thì cần được sử dụng cho sinh viên học môn Ngữ âm- Hội thoại 1 (trình độ A). Cách dùng hình thức hàm ẩn để thể hiện sự đồng hướng trong hội thoại thì cần được sử dụng cho sinh viên học môn Ngữ âm- Hội thoại 2 và 3 (từ trình độ B trở lên).

             - Các sinh viên nước ngoài học tiếng Việt có thể xây dựng nên các yếu tố ngược hướng trong hội thoại bằng cách dùng các lời yêu cầu+ lời từ chối, lời từ chối+ lời đe dọa, dùng các lời thể hiện ý hỏi, cảm thán, yêu cầu, đề nghị, thậm chí là lời chửi, dùng các tình huống “đánh trống lảng” , cố ý thiết lập kiểu tình huống “ông nói gà, bà nói vịt”, chơi chữ theo hoàn cảnh giao tiếp…Tất nhiên, cách xây dựng hội thoại theo hướng này đòi hỏi sinh viên có một trình độ giao tiếp tiếng Việt ở trình độ tương đối cao, từ trình độ cuối B, đầu C trở lên.

            - Các sinh viên nước ngoài học tiếng Việt cần được dạy về kĩ năng và cần thực hành về cách xây dựng hội thoại trên cơ sở các ý kiến vừa đồng hướng vừa ngược hướng, trong đó có kiểu thiết lập hội thoại *theo hướng chuyển dần từ  ý kiến ngược hướng sang ý kiến cùng hướng* và kiểu thiết lập hội thoại *theo hướng chuyển dần từ ý kiến đồng hướng sang ý kiến ngược hướng*. Cả hai kiểu này được kết hợp với nhau sẽ giúp sinh viên nước ngoài học tiếng Việt có kĩ năng thiết lập hội thoại nhuần nhuyễn hơn, là cơ sở để họ tạo ra được những đoạn hội thoại thú vị, có sự tương tác mạnh mẽ, hấp dẫn giữa những người giao tiếp với nhau, tạo ra “sức hút”, sự hấp dẫn, sinh động cho các cuộc hội thoại. Cách xây dựng hội thoại theo hướng này có thể được vận dụng từ khi sinh viên học tiếng Việt ở trình độ A, nhưng đến trình độ B,C, sau C thì cần được vận dụng ở mức nâng cao hơn (bằng cách dùng những câu dài, những câu có cấu trúc phức tạp hơn, có cả ý tường minh và ý hàm ẩn…).

           - Đối với các hội thoại nhóm có từ 3 sinh viên nước ngoài giao tiếp trở lên, giảng viên cần hướng dẫn các sinh viên thực hành và xây dựng các ý kiến đồng hướng, ngược hướng bằng cách sử dụng nhiều loại câu trong đó có dùng các từ ngữ biểu thị tình thái ở các mức độ khác nhau. Giảng viên cần hướng dẫn để sinh viên tạo lập được các ý kiến đồng hướng, ngược hướng theo các mô hình khác nhau: người thứ 1 và người thứ 2 có ý kiến đồng hướng với nhau, đồng thời ngược hướng với ý kiến của người thứ 3; người thứ 1 có ý kiến ngược hướng với ý kiến của người thứ 2 và người thứ 3 lại ủng hộ, đồng tình với ý kiến của người thứ 2;người thứ 1 có ý kiến ngược hướng với ý kiến của người thứ 2 và người thứ 3 ủng hộ, đồng tình với ý kiến của người thứ 1…Việc tạo lập ra các tình huống hội thoại như thế này sẽ giúp sinh viên huy động, sử dụng, mở rộng được vốn từ, ngữ đồng thời dùng được các khuôn mẫu biểu cảm, dùng được các kiểu câu khác nhau để tham gia hội thoại, tham gia vào quá trình đánh giá, nhận xét, nêu quan điểm, ý kiến hoặc thực hiện hành động tranh biện…trong giao tiếp. Do đó, sinh viên sẽ sử dụng tiếng Việt nhuần nhuyễn hơn, linh hoạt hơn trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Cách xây dựng hội thoại này nên được áp dụng cho môn Ngữ âm- Hội thoại 2 và 3, dành cho sinh viên ở cuối trình độ A- đầu trình độ B trở lên.

*Thứ năm*, các giảng viên cần hướng dẫn sinh viên xây dựng hội thoại tiếng Việt phải dựa trên cơ sở “cái phông văn hóa” cần thiết. Chính “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” giữa những người tham gia hội thoại sẽ góp phần tạo nên khả năng xây dựng, phát triển hội thoại hoặc “cắt đứt” quan hệ giao tiếp, phá vỡ hội thoại…Trong thực tế giao tiếp, sinh viên nước ngoài cũng sẽ sử dụng “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” này như một “vũ khí quan trọng” để tạo ra sự phát triển của hội thoại (nếu mong muốn duy trì hội thoại) hoặc chấm dứt hội thoại theo ý mình (nếu không muốn duy trì hội thoại nữa). Vì thế, việc chú ý đến “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” khi thực hành xây dựng hội thoại là một yếu tố rất cần thiết đối với các sinh viên nước ngoài học tiếng Việt từ trình độ A trở lên. Đối với trình độ A, giảng viên chỉ cần giới thiệu một cách đơn giản, dễ hiểu nhất về “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” này khi xây dựng hội thoại (cách dùng một số từ,ngữ trong lời ăn tiếng nói hàng ngày). Ở trình độ B trở lên, giảng viên có thể hướng dẫn cho sinh viên kĩ hơn, rõ hơn bằng nhiều câu tiếng Việt để sinh viên hiểu sâu hơn về “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” (ví dụ, ở trình độ này, giảng viên có thể giải thích về một số điều kiêng kỵ, một số thói quen giao tiếp, thói quen suy nghĩ trong tiềm thức ngôn ngữ của người bản ngữ…).

**4. KẾT LUẬN**

    Có thể nói, việc chú ý tới cách xây dựng các ý kiến đồng hướng và ngược hướng trong hội thoại là một yếu tố rất quan trọng để tạo nên các mắt xích và xâu chuỗi các mắt xích trong hội thoại. Giảng viên dạy tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài (trong đó có sinh viên Trung Quốc) cần nắm chắc lí thuyết về vấn đề đồng hướng, ngược hướng trong hội thoại để vận dụng vào việc phân tích những đoạn hội thoại cụ thể, làm mẫu, làm cho sinh viên hiểu được một số cấu trúc hội thoại và hướng dẫn sinh viên thực hành xây dựng được hội thoại tiếng Việt một cách logic, chặt chẽ, đạt được hiệu quả giao tiếp. Với mỗi đối tượng sinh viên nước ngoài cụ thể (ở trình độ A,B,C, sau C), giảng viên dạy tiếng Việt cần vận dụng kiến thức về đồng hướng, ngược hướng để hướng dẫn sinh viên xây dựng được các kiểu hội thoại sao cho tương ứng với trình độ của người học (như đã phân tích ở mục 3 nói trên). Như thế, sinh viên nước ngoài sẽ học môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt hiệu quả hơn trước đây.

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Tài Cẩn (Chủ biên) (1981), “Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam”, NXB ĐH&THCN, Hà Nội.

2. Nguyễn Tài Cẩn (2001), “Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Đỗ Hữu Châu (2001), “Đại cương ngôn ngữ học”, tập 2, Ngữ dụng học, NXB Giáo dục, Hà Nội.

4. Nguyễn Đức Dân (1998), “Ngữ dụng học”, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.

5. Hữu Đạt (2000), “Phong cách học và các phong cách chức năng tiếng Việt”, NXB Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.

6. Hữu Đạt (2001), “Phong cách học tiếng Việt hiện đại”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

7. Hữu Đạt (2002), “Phong cách học với việc dạy văn và lý luận phê bình văn học”, NXB Hà Nội.

8. Hữu Đạt (2009), “Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt”, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

9. Nguyễn Thiện Giáp (2000), “Dụng học Việt ngữ”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Nguyễn Thiện Giáp (2008), “Giáo trình Ngôn ngữ học”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Đào Thanh Lan (2012), “Một số vấn đề ngữ pháp- ngữ nghĩa của lời (trường hợp lời cầu khiến tiếng Việt) ”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Phan Ngọc (2000), “Thử xét văn hóa- văn học” bằng ngôn ngữ học”, NXB Thanh niên.

13. Nguyễn Quang (2004), “Một số vấn đề giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

14. Phạm Văn Thấu (1999), “Cấu trúc liên kết của cặp thoại”, Luận án TS NV, ĐHSP HN.

**ĐỒNG HƯỚNG VÀ NGƯỢC HƯỚNG TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT VÀ MỘT SỐ ỨNG DỤNG VÀO VIỆC DẠY MÔN NGỮ ÂM-HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI**

**Tóm tắt:**Bài viết này phân tích một số hội thoại tiếng Việt cụ thể để tìm hiểu về các kiểu cấu trúc hội thoại khác nhau được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đồng hướng, ngược hướng của những người tham gia giao tiếp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số ứng dụng vào việc giảng dạy môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài, trong đó có sinh viên Trung Quốc, nhằm hỗ trợ thêm một phần về phương pháp giảng dạy môn học này cho các giảng viên, đồng thời hỗ trợ các sinh viên nước ngoài học môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt hiệu quả hơn.

**Từ khóa: *đồng hướng, ngược hướng, hội thoại tiếng Việt, ngữ âm- hội thoại, sinh viên nước ngoài***

**ĐỒNG HƯỚNG VÀ  NGƯỢC HƯỚNG TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT VÀ MỘT SỐ ỨNG DỤNG VÀO VIỆC DẠY MÔN NGỮ ÂM-HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI**

***PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Thùy (\*)***

**1. DẪN NHẬP**

Hội thoại có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống. Các cuộc hội thoại là nền tảng giúp con người giao tiếp với nhau và thiết lập các mối quan hệ xã hội. Hiện nay, trong chương trình học tiếng Việt của sinh viên nước ngoài, nhất là của sinh viên Trung Quốc có môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt. Vì thế, giảng viên tiếng Việt cần hướng dẫn cho sinh viên về một số yếu tố quan trọng làm cơ sở cho việc xây dựng hội thoại. Trong đó, sinh viên cần chú ý đến việc nhận biết, thiết lập các ý kiến đồng hướng, ngược hướng trong khi thực hành xây dựng hội thoại tiếng Việt. Các ý kiến đồng hướng, ngược hướng trong hội thoại sẽ quyết định đến việc thiết lập, duy trì hay phá vỡ hội thoại, ảnh hưởng trực tiếp tới sự tương tác, mối quan hệ giữa người nói và người nghe trong quá trình giao tiếp cũng như tới hiệu quả giao tiếp. Do đó, bài viết này sẽ tập trung vào việc phân tích một số hội thoại cụ thể được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đồng hướng, ngược hướng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số ứng dụng vào việc giảng dạy môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài.

**2. ĐỒNG HƯỚNG VÀ NGƯỢC HƯỚNG TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT (XEM XÉT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ)**

Bên cạnh nội dung và mục đích giao tiếp, các cuộc hội thoại của người Việt còn phản ánh tư tưởng, tình cảm  phong phú, phức tạp của người Việt trong cuộc sống hàng ngày. Vì thế, hội thoại của người Việt cũng có các kiểu cấu trúc và các tầng lớp ý nghĩa khác nhau.  Dựa vào sự tương đồng /khác biệt về tâm lí, tình cảm của những người tham gia đối thoại, chúng tôi thấy có thể phân chia các cuộc thoại khảo sát thành 2 nhóm:  hội thoại đồng hướng và hội thoại ngược hướng

***2.1 Hội thoại được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đồng hướng.***

VD1:

*-Chị buồn lắm phải không?- Tôi hỏi.*

*- Rất buồn.*

                                  (Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu, Hoa súng, trang 29)

VD2:

*- Sao, vẫn còn nhớ Khoa Văn thế kia à?- Ông hỏi. Cả câu hỏi cũng như nửa đùa, nửa thật.*

*- Nhớ chứ ạ. Dù đi đâu em cũng vẫn nhớ Khoa mình.*

*Một thầy trẻ hơn ngồi bên cạnh đế luôn:*

*- Yêu Khoa hay yêu thầy chủ nhiệm nhiều hơn?*

*- Yêu cả hai- Người con gái hồn nhiên đáp.*

                      (Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu, Hoa súng, trang 14-15)

VD3:

*- Chiếc áo đỏ kia đẹp nhỉ?*

*- Ừ. Áo đẹp thế mà giá cả lại phải chăng nữa.*

VD4:

*- Trước khi đi ngủ con xem qua bài một lượt cho chắc ăn. Cuộc này mới là cuộc quyết định.*

*- Vâng. Bố cứ yên trí. Nhất định lần này con sẽ làm bài thật mỹ mãn.*

((Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu ,Quyền làm bố, trang 65,66)

VD5:

Chàng trai và cô gái ngồi tâm sự:

*- Em có muốn về quê anh không?*

*- Thế anh có muốn về quê em không?*

           Khi nói chuyện, người Việt có thể có ý kiến đồng tình với người nói chuyện cùng mình nhưng tùy vào hoàn cảnh, họ có thể bày tỏ sự đồng tình đó ở các mức độ khác nhau. Ở ví dụ 1, khi người hỏi đặt câu hỏi để mong muốn tìm hiểu về tâm trạng của người đối thoại với mình (*Chị buồn lắm phải không?*) thì người đối thoại đã đáp ứng lại sự mong muốn đó bằng cách trả lời, thể hiện sự khẳng định để đồng tình với thông tin mà người hỏi đưa ra (*Rất buồn*). Chính sự lặp lại thông tin trong câu hỏi và câu trả lời (*buồn lắm- rất buồn*) đã cho chúng ta thấy được sự đồng hướng của thông tin, sự đồng hướng của người hỏi- người gửi thông tin với người trả lời- người tiếp nhận, đồng thời phản hồi thông tin. Tuy đoạn hội thoại của người nói và người nghe được xây dựng trên cơ sở sự đồng hướng về thông tin nhưng mức độ chắc chắn của thông tin của từng người có sự khác nhau. Ở câu thứ nhất, người hỏi có sự xác định mức độ chân thực của tình huống (*chị buồn lắm*) nhưng không chắc chắn hoàn toàn nên mới đặt thành câu hỏi (…*phải không?*). Còn người nghe thì chắc chắn về mức độ tình cảm, tâm trạng của mình nên chắc chắn hoàn toàn về thông tin được chia sẻ với người đối thoại cùng mình (*rất buồn*).

          Nếu ở ví dụ 1, sự đồng hướng của người hỏi và người trả lời chỉ được thể hiện qua sự khẳng định chắc chắn về thông tin được chia sẻ thì ở ví dụ 2, sự đồng hướng về thông tin giữa những người đối thoại còn được phát triển ở mức độ cao hơn bằng cách mở rộng thông tin- thông tin có tính giải thích lý do. Khi người thầy hỏi “*Sao, vẫn còn nhớ Khoa Văn thế kia à*?”, cựu sinh viên thể hiện sự đồng hướng bằng cách khẳng định chắc chắn “*Nhớ chứ ạ*!”. Hơn thế nữa, sự đồng hướng đó còn được nâng lên một mức khi người trả lời đưa ra thông tin giải thích về mức độ “nhớ Khoa Văn”của mình: không chỉ là “nhớ” (*một trạng thái tâm lý- tình cảm*) mà còn là “bất cứ lúc nào cũng nhớ” (*một trạng thái tâm lý- tình cảm có tính chất thường trực*) “*Dù đi đâu em cũng nhớ Khoa mình*”. Đặc biệt, trong ví dụ 2, khi người thứ 3 hỏi xen vào “*Yêu Khoa hay yêu thầy chủ nhiệm nhiều hơn*?” thì theo logic thông thường, nếu người trả lời có sự đồng hướng với người hỏi, sẽ đáp ứng lại câu hỏi đó bằng cách chọn một trong hai trường hợp: “*Yêu Khoa hơn*” hoặc “*Yêu thầy chủ nhiệm hơn*”. Tuy thế, ở ví dụ 2, người trả lời không những thể hiện sự đồng hướng với người hỏi   mà còn có sự đồng hướng ở mức độ cao “vượt quá yêu cầu”, vừa là đồng hướng về nội dung thông tin, vừa là đồng hướng về thái độ, tình cảm, mức độ dí dỏm và thông minh “*Yêu cả hai*”.

          Ở ví dụ 3, người thứ 1 nhận xét “*chiếc áo đỏ kia đẹp*” đồng thời muốn biết ý kiến của người thứ 2 về nhận xét của mình. Vì thế, người thứ 1 đã dùng từ “*nhỉ*” để gợi ý, thăm dò ý kiến của người thứ 2. Chỉ bằng một câu nói nhưng người thứ 2 đã thể hiện ý kiến cùng chiều với người thứ 1. Dấu hiệu thứ nhất là người thứ 2 dùng từ “ừ”. Người Việt dùng từ “ừ” khi muốn xác nhận hoặc đồng tình với một điều gì đó. Dấu hiệu thứ hai là người thứ 2 lặp lại cụm từ “áo đẹp” và thêm từ nhấn mạnh chắc chắn đằng sau đó “thế” để khẳng định “áo đẹp” là một thực tế. Dấu hiệu thứ ba là, người thứ 2 không chỉ đồng tình, lặp lại ý của người thứ 1 mà còn mở rộng, phát triển thêm sự đồng tình về nội dung “áo đẹp” bằng cách nêu thông tin bổ sung “*mà giá cả lại phải chăng nữa*”. Thông tin bổ sung này cho thấy sự đồng tình ở mức cao hơn về nội dung “áo đẹp” đã được người thứ 1 đưa ra lúc đầu: *áo không chỉ đẹp mà còn có giá cả phải chăng nữa*. Từ đó, người nói muốn diễn đạt một hàm ý có tính định hướng về mặt thông tin, tác động tới người đối thoại, đó là: áo đẹp mà giá cả phải chăng thì ***nên mua/ có thể mua được***.

          Tiếp theo, chúng ta xem xét ví dụ 4. Đây là đoạn hội thoại ngắn giữa người bố và người con trước hôm người con thi đại học. Khi người bố đưa ra 2 thông tin: (1) khuyên con ôn lại bài một lần trước khi đi ngủ cho chắc chắn và (2) khẳng định cuộc thi đó là cuộc thi quyết định thì người con có sự đồng tình với cả hai thông tin của người bố bằng từ “vâng”. Hơn thế nữa, người con còn thể hiện sự đồng tình đó bằng một lời động viên có tính chất là kết quả *(=lời động viên, lời hứa với người bố*) nhằm làm cho người bố yên tâm: “*Bố cứ yên trí*”. Có thể thấy, hai câu nói của người bố có hàm ý hoặc bộc lộ một cách tự nhiên về tâm trạng của người bố: *chưa thực sự yên tâm về việc ôn thi và thi đại học của con*. Đó cũng chính là nguyên nhân hàm ẩn cho kết quả mà người con nêu ra bằng cách động viên, đồng thời là hứa với bố mình “*Bố cứ yên trí*”. Tức  là, sự đồng hướng giữa lời nói của người bố và lời nói của người con được thể hiện bằng một lớp vỏ bọc của quan hệ nhân-quả. Thêm vào đó, người con còn đưa ra căn cứ làm minh chứng cho lời động viên, lời hứa  của mình bằng cách khẳng định “*Nhất định lần này con sẽ làm bài thật mỹ mãn*.”. Sự khẳng định này, một lần nữa, lại thể hiện sự đồng hướng ở mức độ cao của người con đối với thông tin mà người bố đưa ra. Chúng ta có thể quan sát sự đồng hướng của hai người tham gia giao tiếp trong đoạn đối thoại trên như sau:

- Trước khi đi ngủ con xem qua bài một lượt cho chắc ăn. Cuộc này mới là cuộc quyết định.

*=> (1) khuyên con xem lại bài + khẳng định cuộc thi này có tính quyết định*

*=> (2) thể hiện sự lo lắng, chưa yên tâm*

*=> (3) thể hiện sự quan tâm đối với con*

- Vâng. Bố cứ yên trí. Nhất định lần này con sẽ làm bài thật mỹ mãn.

   + Vâng: *=> (1.1) đồng ý xem lại bài + đồng ý là cuộc thi này có tính quyết định -> đồng hướng với (1)*

*=> (3.1) hiểu được sự quan tâm của người bố -> đồng hướng với (3)*

   + Bố cứ yên trí: *=> (2.1) động viên người bố để người bố yên tâm -> đồng hướng với (2’)*

*=> (3.2) hiểu được sự quan tâm của người bố -> đồng hướng với (3)*

   + Nhất định lần này con sẽ làm bài thật mỹ mãn.

*=> (2.2) động viên để bố yên tâm; lời hứa chắc chắn sẽ làm tốt -> đồng hướng với (2)*

*=> (3.3) hiểu được sự quan tâm của người bố -> đồng hướng với (3)*

Khác với các ví dụ trên, các câu đối thoại trong ví dụ 5 có hình thức có vẻ có sự ngược hướng với nhau nhưng nội dung thì phản ánh sự đồng hướng về ý kiến của những người tham gia đối thoại. Khi chàng trai nói “*Em có muốn về quê anh không*?” thì câu hỏi của cô gái  ngay sau đó “*Thế anh có muốn về quê em không*?” có hình thức như là một sự phản ứng, đòi hỏi để tạo ra sự tương phản, ngược hướng với câu hỏi của chàng trai. Chàng trai muốn hỏi cô gái có muốn về “quê anh” (= quê của chàng trai) không thì cô gái lại không trả lời chàng trai mà hỏi ngược lại xem chàng trai có muốn về “quê em” (=quê của cô gái) không? Mới nghe lướt qua, chúng ta thấy có vẻ như cô gái muốn “thách thức” chàng trai. Thực ra, đây chỉ là một cách ứng xử trong giao tiếp của người Việt. Có tình huống trên (cả hai nhân vật giao tiếp cùng hỏi nhau mà không trả lời) vì chàng trai và cô gái không cùng quê. Chàng trai hỏi thế có hàm ý muốn biết cô gái có tình cảm với mình, có muốn về quê mình để có sự gắn bó sâu sắc với nhau không. Khi chàng trai nói như vậy cũng là tỏ ý muốn tiến tới xa hơn về tình cảm với cô gái. Còn cô gái hỏi chàng trai có muốn về “quê em” không, không phải là một sự chống chế cho bằng nhau về vị trí, thứ bậc giao tiếp, cũng không phải là sự “từ chối” việc trả lời câu hỏi của chàng trai bằng cách “đánh trống lảng” sang một nội dung mới (*về quê em*), khác với nội dung mà chàng trai đưa ra (*về quê anh*). Thực ra, cô gái nói như vậy nhằm hai mục đích. Một là, cô gái cũng có hàm ý “thăm dò” tình cảm của chàng trai đối với mình, có muốn về quê mình để có sự gắn bó sâu sắc với nhau không. Hai là, cô gái cùng muốn bày tỏ mong muốn có sự gần gũi hơn về tình cảm với chàng trai thì mới “mời” chàng trai về thăm quê mình. Do đó, hai câu hỏi trong đoạn hội thoại giữa chàng trai và cô gái nói trên, về hình thức thì có vẻ như là “hai câu hỏi song song” với nhau, dường như có sự “lẩn tránh” của cô gái trong việc trả lời câu hỏi của chàng trai. Thực chất, hai câu hỏi đó lại thể hiện sự đồng hướng của những người tham gia đối thoại, vừa muốn bày tỏ tâm sự muốn tiến tới mức độ cao hơn trong tình cảm của mình, vừa muốn thăm dò tình cảm của đối phương đối với mình nhưng không nói trực tiếp mà đều “nói vòng” bằng cách đặt ra các câu hỏi.

          Như vậy, có thể nói rằng, người Việt có cách xây dựng hội thoại dựa trên các ý kiến đồng hướng nhưng cách thức biểu hiện rất phong phú, đa dạng. Người Việt có thể dùng các từ ngữ để trực tiếp thể hiện sự đồng tình hoặc có thể dùng các hình thức hàm ẩn để bộc lộ ý kiến đồng hướng với người giao tiếp. Vì thế, dù là các ý kiến cùng chiều thì có một yếu tố quan trọng là người giao tiếp phải có cùng một “phông văn hóa” và cụ thể hơn là cùng một “phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” thì hội thoại mới có thể được tiếp tục phát triển.

***2.2 Hội thoại được xây dựng trên cơ sở các ý kiến ngược hướng***

VD6: *Vợ Bình khóc thút thít. Thấy vậy, mẹ Bình hỏi:*

*- Chuyện thế nào, anh nói cho tôi nghe xem.*

*Giọng Bình ráo hoảnh:*

*- Không có gì đâu mẹ ạ.*

*Bà cụ không buông tha:*

*- Anh đừng giấu tôi. Anh không nói, tôi cắn lưỡi tôi chết.*

*Bình sợ quá, kể lại tất cả với mẹ.*

            (Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu, Anh em họ Hoàng, trang 178)

VD7: *Trong một rạp chiếu phim tâm lý xã hội tình cảm của Nga, một người đàn ông ngồi cạnh một cô gái trẻ. Họ không quen nhau.Cô gái rất xinh đẹp, hấp dẫn. Sau 15 phút đầu của buổi chiếu phim, người đàn ông đặt bàn tay của mình lên đùi của cô gái hấp dẫn ở ghế bên cạnh.*

*Cô gái: Anh này, hay nhỉ?*

*Người đàn ông: Phim tâm lý xã hội Nga, sao  chẳng hay?*

*Cô gái (bực mình): Anh làm gì thế?*

*Người đàn ông (thản nhiên): Chủ tịch xã.*

*Cô gái (gắt gỏng): Anh có thôi ngay đi không!*

*Người đàn ông (không mảy may động lòng): Thôi thế nào được! Nhân dân đang tín nhiệm!*

*Cô gái (tức tối): Đồ chó!*

*Người đàn ông (cười tươi): Sao cô biết tôi tuổi Tuất?*

          Xem xét hai ví dụ  VD6 và VD7, chúng ta thấy hai ví dụ này đều được xây dựng trên cơ sở các ý kiến ngược hướng. Ở VD6, khi người mẹ nói: “*Chuyện thế nào, anh nói cho tôi nghe xem*” (1) là tỏ ý yêu cầu con trai nói cho mình biết thông tin *(= “có chuyện” + yêu cầu người con nói*). Khi đó, người con trai đã từ chối bằng cách thể hiện sự không cùng hướng với yêu cầu của người mẹ “*Không có gì đâu mẹ ạ*.” (2) *(= “không có chuyện gì” + từ chối yêu cầu của người mẹ, không muốn nói/kể*). Tuy vậy, không phải vì thế mà cuộc hội thoại chấm dứt. Cuộc hội thoại tiếp tục được xây dựng trên cơ sở sự phát triển cao hơn về mức độ ngược hướng “*Anh đừng giấu tôi. Anh không nói, tôi cắn lưỡi tôi chết.*”. Khi người mẹ nói “*Anh đừng giấu tôi*” (3) là thể hiện sự ngược hướng với (2) ở chỗ: *khẳng định chắc chắn là có chuyện + tiếp tục yêu cầu người con phải nói ra chuyện đó*. Không chỉ thế, tính ngược hướng trong lời nói của người mẹ còn được “đẩy” lên ở mức độ cao hơn nữa: “*Anh không nói, tôi cắn lưỡi tôi chết*.” (4), thể hiện thông tin có hàm ý đe dọa, đồng thời cũng là yêu cầu ở mức cao nhất về việc người con nhất định phải nói ra chuyện mà người mẹ chưa biết => thể hiện sự ngược hướng ở mức độ tối đa đối với (2) vì điều kiện “*tôi cắn lưỡi tôi chết*” là điều kiện mang tính sống-còn, có tính bắt buộc cao đối với người nghe. Chính các thông tin và mức độ yêu cầu- từ chối đáp ứng thông tin có tính ngược hướng với nhau là cơ sở để hội thoại tiếp tục được xây dựng và phát triển, dẫn đến kết quả là có nhiều lời thoại của Bình khi “*Bình kể  lại tất cả với mẹ”.*

          Nếu như ở VD6, tính ngược hướng của những người tham gia đối thoại được thể hiện trực tiếp thông qua lời yêu cầu- lời từ chối- lời yêu cầu+ lời đe dọa thì ở VD7, tính ngược hướng đó lại được thể hiện trong tình huống cố tình gây ra kiểu “*ông nói gà, bà nói vịt*”. VD7 là hội thoại viết về tình huống một người đàn ông lợi dụng tình huống trong rạp chiếu phim để có hành động sàm sỡ với một cô gái trẻ đẹp, hấp dẫn. Khi cô gái tỏ rõ thái độ không đồng ý, bực mình, gắt gỏng, thậm chí là tức giận với người đàn ông về việc làm của ông ta thì ông ta lại thản nhiên với thái độ đó bằng “mẹo” và “tài” về ngôn ngữ. Mỗi câu cô gái nói ra đều nhằm mục đích thể hiện ý yêu cầu người đàn ông chấm dứt hành động sàm sỡ của ông ta nhưng người đàn ông từng bước đáp lại một cách khôn khéo các thông tin mà cô gái đưa ra bằng một lớp vỏ hình thức về ngôn ngữ rất hợp lý, giống như một cuộc hỏi-đáp thông thường: cô gái hỏi thông tin- người đàn ông cung cấp thông tin về mình (thông tin này là mới đối với cô gái). Thực tế, thông qua cách trả lời thông tin cụ thể, người đàn ông đã đương nhiên phủ nhận thông tin mà cô gái đưa ra- phủ định gián tiếp thông tin cô gái nói đến, “đánh trống lảng”, đề cập đến một vấn đề hoàn toàn khác với vấn đề mà cô gái nói đến nhưng vẫn “khớp” về mặt logic với những câu hỏi- câu cảm thán- câu yêu cầu, đề nghị- câu chửi của cô gái. *Vì thế, sự ngược hướng về thông tin, thực chất là sự ngược hướng về mục đích, thái độ của những người tham gia giao tiếp*trong VD7 là sự ngược hướng rất tinh tế, có tác dụng xây dựng và phát triển hội thoại, tạo nên những điểm “thắt nút”- “cao trào”- “mở nút” cho cuộc hội thoại này.

***2.3*** ***Hội thoại được xây dựng trên cơ sở vừa có thông tin đồng hướng, vừa có thông tin ngược hướng.***

VD8: *Sau khóm cây, An và Cần lại tiếp tục nói chuyện, chẳng đâu vào  đâu cả:*

*- Tay Cần trắng quá nhỉ? (1)*

*- Đen đi chứ, đập đá thì làm gì mà trắng được, tay em có phải là tay học sinh đâu.   (2)*

*- Nhưng vẫn trắng và lại mềm nữa kia đấy. (3)*

*- Sao anh biết? Mắt Cần mở to. (4)*

*- Thì bữa bắt tay thi đua đấy, quên rồi à, chóng thật. (5)*

*- À, em có quên đâu, lại nhớ rất lâu nữa chứ, bữa ấy vui quá anh nhỉ, đêm về không tài nào ngủ được, em thẹn ghê lắm đấy. (6)*

*- An cũng thẹn. Và đêm ấy về cũng không ngủ được. Tại Cần đấy. (7)*

*- Tại em à? Cần lại nhìn An trân trân. (8)*

*- Này Cần này…(9) An vừa nói vừa đưa tay sang phía bàn tay Cần đang để dưới nước:*

*- Hôm nay…bắt tay lại có được…không…em? (10) Tiếng “em” An do dự mãi mới nói được.*

*- Tùy anh đấy. (11)*

                                              (Nam Hà, Tuổi hai mươi, trang 162-163)

          Trong đoạn hội thoại giữa một  người nam (An) và một người nữ (Cần) nói trên, các câu   hội thoại được xây dựng trên cơ sở thông tin ngược hướng và cùng hướng. Lúc đầu, An đưa ra thông tin đánh giá của mình, đồng thời cũng tìm kiếm sự đồng tình của người cùng tham gia đối thoại “*Tay Cần trắng quá nhỉ*?” (1). Người thứ 2 trong hội thoại- Cần đã thể hiện sự ngược hướng về thông tin của mình ở (2) đối với thông tin mà An đưa ra ở (1) bằng cách khẳng định “*Đen đi chứ*” (= phủ định (1)), đồng thời làm cho sự ngược hướng đó tăng tiến bằng cách đưa ra lời giải thích bằng hai nguyên nhân: nguyên nhân 1 là “đập đá thì làm gì mà trắng được”, nguyên nhân 2 là “*tay em có phải là tay học sinh đâu*”. Hội thoại được tiếp tục xây dựng trên cơ sở ý kiến ngược hướng. (3) ngược hướng với (2) bằng cách khẳng định lại một lần nữa thông tin đã có ở (1) đồng thời cung cấp thêm thông tin bổ sung “*và lại mềm nữa kia đấy*”. (4) là sự tiếp tục chủ đề. Ở (4) không còn sự ngược hướng giữa An và Cần nữa vì (3) là tiền đề để gợi mở cho câu hỏi có xu hướng đồng tình của Cần đối với An ở (4). (5) là sự giải thích lý do, nguyên nhân cho (4). (6) là sự phủ định thông tin “*quên rồi à*” trong (5), lại bắt đầu có sự ngược hướng về thông tin nhưng đồng hướng về chủ đề được hai người nói đến “quên-không quên”.  (7) có sự đồng hướng với (6), thể hiện tâm tư, tình cảm và trạng thái cảm xúc giống nhau giữa An và Cần: *thẹn, không ngủ được cả đêm*. (7) cung cấp thêm thông tin mới “*Tại Cần đấy*” để phát triển sự đồng hướng giữa (6) và (7), nêu nguyên nhân dẫn đến kết quả “thẹn”, “không ngủ được cả đêm” của An. Thông tin mới xuất hiện ở (7) đồng hướng với (8), từ đó tạo cơ sở cho (9), (10), (11) đồng hướng với nhau: *An và Cần cùng rụt rè nhưng đều bày tỏ được tình cảm của mình với người còn lại.*

          Nếu như VD8 là hội thoại được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đồng hướng và  ngược hướng của hai người tham gia giao tiếp *theo hướng chuyển dần từ  ý kiến ngược hướng sang ý kiến cùng hướng* thì trong VD9 sau đây, các ý kiến của hai người tham gia giao tiếp lại *chuyển từ ý kiến cùng hướng sang ý kiến ngược hướng.*

VD9:

*“Anh vào, nhìn tôi rồi hỏi:*

*- Mẹ đi đâu?*

*- Đi vắng.*

*- Khóc à?*

*- Không!*

*- Lại còn không!*

*- Thôi mà.*

*- Mắt còn đỏ hoe lên mà cứ nói dối như cò ấy.”*

                                                          (Bá Dũng, Tiếng gọi, trang 74)

    Cuộc hội thoại trên được xây dựng trên các ý kiến đồng hướng và ngược hướng. Khi người thứ nhất hỏi “*Mẹ đi đâu*?” thì người thứ hai có sự “đáp ứng” thuận chiều với câu hỏi đó nên trả lời là “*Đi vắng.*”. Nhưng khi người thứ nhất bắt đầu một câu hỏi mới “*Khóc à*?” thì người thứ hai có ý kiến ngược hướng để phủ nhận điều đó “*Không!*”. Người thứ nhất không thừa nhận ý kiến “*Không*!” của người thứ hai nên tiếp tục bằng cách hỏi- khẳng định “*Lại còn không*!” (hình thức là câu cảm thán-nội dung khẳng định chắc chắn “lại còn không”- nội dung hỏi hàm ẩn- hỏi lại lần nữa “*khóc à*?”, thực ra là để khẳng định “*chắc chắn khóc*”). Sau đó, người thứ hai nửa muốn phủ định, nửa muốn chấm dứt nội dung đó (vì có lẽ không che dấu được sự thật “*đã khóc*”) nên nói “*Thôi mà*”. Người thứ nhất bác bỏ ý kiến “*Thôi mà*” của người thứ nhất bằng cách tiếp tục nói, đồng thời tiếp tục đưa ra bằng chứng về việc người thứ hai khóc “*Mắt còn đỏ hoe lên mà cứ nói dối như cò ấy*.”

    Đặc biệt  hơn VD8 và VD9 thì VD10 *được xây dựng trên cơ sở ý kiến cùng chiều của hai người tham gia đối thoại đồng thời, các ý kiến đó lại cùng ngược chiều với ý kiến của người thứ 3 trong đoạn hội thoại*:

VD10:

(Hạnh nói chuyện với bố mẹ)

*- Con có còn là đứa trẻ con nữa đâu. Với lại người nào yêu mà quên việc học tập đâu phải là người có ý chí. (1)*

*- Ai yêu mà chẳng nói như vậy- Vị hiệu trưởng dàn hòa- Hạnh con, tốt hơn hết con hãy quên chuyện này đi. (2)*

*Hạnh bật khóc:*

*- Nhưng con lại không thể nào quên được. Nói thật với bố mẹ, con chẳng thiết học nữa. (3)*

*- Vớ vẩn!- Bà mẹ gạt đi- Rồi một, hai tháng sẽ quên đi. (4)*

                      (Hữu Đạt, Tập truyện ngắn Tuổi yêu, Tuổi yêu, trang 52)

    Trong đoạn hội thoại trên, (1) và (3) đồng hướng với nhau, là lời nói của cùng một người tham gia giao tiếp (Hạnh) về nội dung: Hạnh không quên được việc yêu một người, khẳng định mình không còn là trẻ con và không muốn học nữa. (2) và (4) là các ý kiến cùng chiều với nhau của hai người tham gia giao tiếp  khác nhau: (2)- bố Hạnh và (4)- mẹ Hạnh, về cùng một nội dung: Hạnh nên quên việc yêu đương đi. Ý kiến của hai người tham gia giao tiếp (bố Hạnh, mẹ Hạnh) ở (2) và (4) cùng ngược hướng với ý kiến của một người (Hạnh) ở (1) và (3), *tạo nên các tầng lớp đan xen giữa sự đồng hướng và ngược hướng về thông tin trong hội thoại, tạo nên logic và sự chặt chẽ cho hội thoại.*

    Như vậy, các đoạn hội thoại trên là những ví dụ về cách xây dựng hội thoại vừa có các ý kiến đồng hướng, vừa có các ý kiến ngược hướng của người Việt.

**3. MỘT SỐ ỨNG DỤNG VÀO VIỆC DẠY MÔN NGỮ ÂM-HỘI THOẠI CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI**

     Từ kết quả phân tích một số ví dụ cụ thể nói trên, chúng ta có một số *vận dụng vào việc giảng dạy môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt*cho sinh viên nước ngoài, trong đó có các sinh viên Trung Quốc như sau:

*Thứ nhất*, giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên nước ngoài, trong đó có sinh viên Trung Quốc cách thiết lập hội thoại tuân thủ theo một logic chặt chẽ. Logic của hội thoại có thể được xây dựng một cách chặt chẽ dựa trên các ý kiến đồng hướng hoặc ngược hướng của những người tham gia hội thoại.

*Thứ hai*, ở mức độ cao hơn, các sinh viên nước ngoài khi thực hành xây dựng hội thoại có thể tạo ra đồng thời cả các ý kiến đồng hướng và các ý kiến ngược hướng đan xen với nhau.

*Thứ ba*, sự đồng hướng hoặc ngược hướng về thông tin trong giao tiếp có thể đồng thời kèm theo sự đồng hướng, ngược hướng về mục đích, thái độ của những người tham gia giao tiếp. Do đó, giảng viên có thể hướng dẫn các sinh viên nước ngoài khi họ thực hành xây dựng hội thoại thì có thể chú ý đến các yếu tố: a. thông tin, b. mục đích giao tiếp, c. thái độ của người tham gia giao tiếp, để tạo nên những câu hội thoại có tính đồng hướng hoặc ngược hướng, tạo nên tính logic, hệ thống, bám sát theo chủ đề của cuộc giao tiếp, nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp.

*Thứ tư*, thực tế sử dụng hội thoại trong cuộc sống rất phong phú, linh hoạt, có sự thích ứng của những người giao tiếp với từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Vì thế, giảng viên dạy tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài cần hướng dẫn cho sinh viên các kiểu xây dựng hội thoại khác nhau sao cho thật phong phú, đa dạng:

              - Những người tham gia giao tiếp có thể dùng những từ ngữ trực tiếp hoặc dùng các hình thức hàm ẩn để thể hiện sự đồng tình, đồng hướng với người giao tiếp cùng mình. Cách dùng từ ngữ trực tiếp để thể hiện sự đồng hướng trong hội thoại thì cần được sử dụng cho sinh viên học môn Ngữ âm- Hội thoại 1 (trình độ A). Cách dùng hình thức hàm ẩn để thể hiện sự đồng hướng trong hội thoại thì cần được sử dụng cho sinh viên học môn Ngữ âm- Hội thoại 2 và 3 (từ trình độ B trở lên).

             - Các sinh viên nước ngoài học tiếng Việt có thể xây dựng nên các yếu tố ngược hướng trong hội thoại bằng cách dùng các lời yêu cầu+ lời từ chối, lời từ chối+ lời đe dọa, dùng các lời thể hiện ý hỏi, cảm thán, yêu cầu, đề nghị, thậm chí là lời chửi, dùng các tình huống “đánh trống lảng” , cố ý thiết lập kiểu tình huống “ông nói gà, bà nói vịt”, chơi chữ theo hoàn cảnh giao tiếp…Tất nhiên, cách xây dựng hội thoại theo hướng này đòi hỏi sinh viên có một trình độ giao tiếp tiếng Việt ở trình độ tương đối cao, từ trình độ cuối B, đầu C trở lên.

            - Các sinh viên nước ngoài học tiếng Việt cần được dạy về kĩ năng và cần thực hành về cách xây dựng hội thoại trên cơ sở các ý kiến vừa đồng hướng vừa ngược hướng, trong đó có kiểu thiết lập hội thoại *theo hướng chuyển dần từ  ý kiến ngược hướng sang ý kiến cùng hướng* và kiểu thiết lập hội thoại *theo hướng chuyển dần từ ý kiến đồng hướng sang ý kiến ngược hướng*. Cả hai kiểu này được kết hợp với nhau sẽ giúp sinh viên nước ngoài học tiếng Việt có kĩ năng thiết lập hội thoại nhuần nhuyễn hơn, là cơ sở để họ tạo ra được những đoạn hội thoại thú vị, có sự tương tác mạnh mẽ, hấp dẫn giữa những người giao tiếp với nhau, tạo ra “sức hút”, sự hấp dẫn, sinh động cho các cuộc hội thoại. Cách xây dựng hội thoại theo hướng này có thể được vận dụng từ khi sinh viên học tiếng Việt ở trình độ A, nhưng đến trình độ B,C, sau C thì cần được vận dụng ở mức nâng cao hơn (bằng cách dùng những câu dài, những câu có cấu trúc phức tạp hơn, có cả ý tường minh và ý hàm ẩn…).

           - Đối với các hội thoại nhóm có từ 3 sinh viên nước ngoài giao tiếp trở lên, giảng viên cần hướng dẫn các sinh viên thực hành và xây dựng các ý kiến đồng hướng, ngược hướng bằng cách sử dụng nhiều loại câu trong đó có dùng các từ ngữ biểu thị tình thái ở các mức độ khác nhau. Giảng viên cần hướng dẫn để sinh viên tạo lập được các ý kiến đồng hướng, ngược hướng theo các mô hình khác nhau: người thứ 1 và người thứ 2 có ý kiến đồng hướng với nhau, đồng thời ngược hướng với ý kiến của người thứ 3; người thứ 1 có ý kiến ngược hướng với ý kiến của người thứ 2 và người thứ 3 lại ủng hộ, đồng tình với ý kiến của người thứ 2;người thứ 1 có ý kiến ngược hướng với ý kiến của người thứ 2 và người thứ 3 ủng hộ, đồng tình với ý kiến của người thứ 1…Việc tạo lập ra các tình huống hội thoại như thế này sẽ giúp sinh viên huy động, sử dụng, mở rộng được vốn từ, ngữ đồng thời dùng được các khuôn mẫu biểu cảm, dùng được các kiểu câu khác nhau để tham gia hội thoại, tham gia vào quá trình đánh giá, nhận xét, nêu quan điểm, ý kiến hoặc thực hiện hành động tranh biện…trong giao tiếp. Do đó, sinh viên sẽ sử dụng tiếng Việt nhuần nhuyễn hơn, linh hoạt hơn trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Cách xây dựng hội thoại này nên được áp dụng cho môn Ngữ âm- Hội thoại 2 và 3, dành cho sinh viên ở cuối trình độ A- đầu trình độ B trở lên.

*Thứ năm*, các giảng viên cần hướng dẫn sinh viên xây dựng hội thoại tiếng Việt phải dựa trên cơ sở “cái phông văn hóa” cần thiết. Chính “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” giữa những người tham gia hội thoại sẽ góp phần tạo nên khả năng xây dựng, phát triển hội thoại hoặc “cắt đứt” quan hệ giao tiếp, phá vỡ hội thoại…Trong thực tế giao tiếp, sinh viên nước ngoài cũng sẽ sử dụng “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” này như một “vũ khí quan trọng” để tạo ra sự phát triển của hội thoại (nếu mong muốn duy trì hội thoại) hoặc chấm dứt hội thoại theo ý mình (nếu không muốn duy trì hội thoại nữa). Vì thế, việc chú ý đến “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” khi thực hành xây dựng hội thoại là một yếu tố rất cần thiết đối với các sinh viên nước ngoài học tiếng Việt từ trình độ A trở lên. Đối với trình độ A, giảng viên chỉ cần giới thiệu một cách đơn giản, dễ hiểu nhất về “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” này khi xây dựng hội thoại (cách dùng một số từ,ngữ trong lời ăn tiếng nói hàng ngày). Ở trình độ B trở lên, giảng viên có thể hướng dẫn cho sinh viên kĩ hơn, rõ hơn bằng nhiều câu tiếng Việt để sinh viên hiểu sâu hơn về “cái phông văn hóa ngôn ngữ giao tiếp” (ví dụ, ở trình độ này, giảng viên có thể giải thích về một số điều kiêng kỵ, một số thói quen giao tiếp, thói quen suy nghĩ trong tiềm thức ngôn ngữ của người bản ngữ…).

**4. KẾT LUẬN**

    Có thể nói, việc chú ý tới cách xây dựng các ý kiến đồng hướng và ngược hướng trong hội thoại là một yếu tố rất quan trọng để tạo nên các mắt xích và xâu chuỗi các mắt xích trong hội thoại. Giảng viên dạy tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài (trong đó có sinh viên Trung Quốc) cần nắm chắc lí thuyết về vấn đề đồng hướng, ngược hướng trong hội thoại để vận dụng vào việc phân tích những đoạn hội thoại cụ thể, làm mẫu, làm cho sinh viên hiểu được một số cấu trúc hội thoại và hướng dẫn sinh viên thực hành xây dựng được hội thoại tiếng Việt một cách logic, chặt chẽ, đạt được hiệu quả giao tiếp. Với mỗi đối tượng sinh viên nước ngoài cụ thể (ở trình độ A,B,C, sau C), giảng viên dạy tiếng Việt cần vận dụng kiến thức về đồng hướng, ngược hướng để hướng dẫn sinh viên xây dựng được các kiểu hội thoại sao cho tương ứng với trình độ của người học (như đã phân tích ở mục 3 nói trên). Như thế, sinh viên nước ngoài sẽ học môn Ngữ âm- Hội thoại tiếng Việt hiệu quả hơn trước đây.

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Tài Cẩn (Chủ biên) (1981), “Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam”, NXB ĐH&THCN, Hà Nội.

2. Nguyễn Tài Cẩn (2001), “Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Đỗ Hữu Châu (2001), “Đại cương ngôn ngữ học”, tập 2, Ngữ dụng học, NXB Giáo dục, Hà Nội.

4. Nguyễn Đức Dân (1998), “Ngữ dụng học”, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.

5. Hữu Đạt (2000), “Phong cách học và các phong cách chức năng tiếng Việt”, NXB Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.

6. Hữu Đạt (2001), “Phong cách học tiếng Việt hiện đại”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

7. Hữu Đạt (2002), “Phong cách học với việc dạy văn và lý luận phê bình văn học”, NXB Hà Nội.

8. Hữu Đạt (2009), “Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt”, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

9. Nguyễn Thiện Giáp (2000), “Dụng học Việt ngữ”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Nguyễn Thiện Giáp (2008), “Giáo trình Ngôn ngữ học”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Đào Thanh Lan (2012), “Một số vấn đề ngữ pháp- ngữ nghĩa của lời (trường hợp lời cầu khiến tiếng Việt) ”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Phan Ngọc (2000), “Thử xét văn hóa- văn học” bằng ngôn ngữ học”, NXB Thanh niên.

13. Nguyễn Quang (2004), “Một số vấn đề giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

14. Phạm Văn Thấu (1999), “Cấu trúc liên kết của cặp thoại”, Luận án TS NV, ĐHSP HN.